

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 63/TTr-SGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính ban hành mới; 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế danh mục và nội dung: 02 thủ tục hành chính thứ tự số 01, 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính công bố mới và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng; 01 thủ tục hành chính thứ tự số 01 mục I Lĩnh vực đăng kiểm, Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ danh mục và nội dung: 01 thủ tục hành chính thứ tự số 01 mục B, tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng; 01 thủ tục hành chính thứ tự số 02 mục I Lĩnh vực đăng kiểm, Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng; 01 thủ tục hành chính thứ tự số 27 mục II, phần I, Thủ tục hành chính mới trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố thủ tục hành chính mới trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ

hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT, KT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC<sup>(A)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Trường Huy**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI (08 TTHC)**

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu (1.013089)	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Tại đơn vị đăng kiểm	Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://mienkd.vr.org.vn">https://mienkd.vr.org.vn</a>	Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong	Tại đơn vị đăng kiểm	- Trực tiếp; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng (1.013092)	ngày nhận được hồ sơ; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.			Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới	2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	
3	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo (1.013097)	- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường	Tại đơn vị đăng kiểm	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương):	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.</p> <p>- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.</p>			<p>90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.</p> <p>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016;</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	
4	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ.	Tại đơn vị đăng kiểm	- Trực tiếp; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.013101)	- Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.				Giao thông vận tải.	
5	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (1.013105)	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tô, xe gắn máy (1.013110)	<p>mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:</p> <p>+ Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).</p> <p>+ Cấp Giấy chứng</p>					



TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.					
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) (1.005103)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;</li> <li>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.</li> <li>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá</li> </ul> </li> </ul>	Tại đơn vị đăng kiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến một phần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.</li> <li>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ</li> </ul>	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.			55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Tài chính; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
8	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (1.013206)	- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận; + Trường hợp xe	Tại đơn vị đăng kiểm	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày	

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.</p> <p>+ Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.</p>			<p>về môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016;</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC)**

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) (1.005103)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;</li> <li>- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:</li> <li>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.</li> <li>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm</li> </ul>	Tại đơn vị đăng kiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến một phần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.</li> <li>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC do địa phương giải quyết.</li> <li>- Nội dung sửa đổi:</li> <li>+ Mẫu đơn, tờ khai;</li> <li>+ Phí, lệ phí;</li> <li>+ Căn cứ pháp lý;</li> <li>+ Tên TTHC;</li> <li>+ Thời hạn giải quyết;</li> <li>+ Cách thức thực hiện.</li> </ul>

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.			11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<i>trưởng Bộ Tài chính.</i>	
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (1.001322)	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	<i>Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</i>	- TTHC do địa phương giải quyết. - Nội dung sửa đổi: + Căn cứ pháp lý; + Tên

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.					TTHC; + Thời hạn giải quyết. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (1.001296)	- Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	<i>Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</i>	- TTHC do địa phương giải quyết. - Nội dung sửa đổi: + Căn cứ pháp lý; + Thời hạn

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền</p>					<p>giải quyết.</p> <p>- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p>

TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:</p> <p>+ Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận: 04 ngày làm việc kể từ ngày kết</p>					



TT	Tên TTHC (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.					

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)

#### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại Quyết định	Tên văn bản QPPL quy định bãi bỏ
1	Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới (1.001001)	Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố thủ tục hành chính mới trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy
2	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng	

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại Quyết định	Tên văn bản QPPL quy định bãi bỏ
	(1.001261)		
3	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (1.005018)	Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng	

**Tổng số danh mục TTHC công bố: 14 TTHC**

**Trong đó:**

**Công bố mới: 08 TTHC**

**Sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC**

**Bãi bỏ: 03 TTHC**

**Qua dịch vụ công trực tuyến một phần: 11 TTHC**

**Số TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết: 02 TTHC**